CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn C.E.O

Ngày 30/09/2025	25,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.7%	**52.8%**	**85.7%**

DT thuần
Q3/25
242
tỷ VNĐ
QoQ: ▼179| -42.5%
YoY: ▼3.00| -1.2%

LN thuần
Q3/25
60.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.8| -23.6%
YoY: ▲ 5.50| 9.9%

LN sau thuế
Q3/25
52.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.6| 31.9%
YoY: ▲ 3.40| 7.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
27.6%
YoY: +/-▲ 12.9%

ROE (TTM)
Q3/25
3.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,822 - 27,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14,469
Số lượng CPLH (CP)	567,416,075
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,652,735
Sở hữu nước ngoài	6.6%
Beta	1.70
EPS	360
P/E	70.8

DT thuần
9T 2025
990
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0| 6.8%

LN thuần
9T 2025
208
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 50.0| 31.7%

LN sau thuế
9T 2025
148
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0| 44.9%

Cơ cấu sở hữu

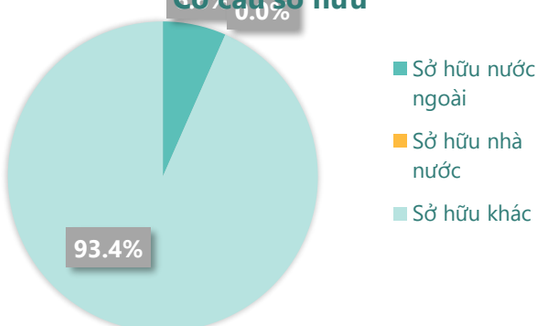

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

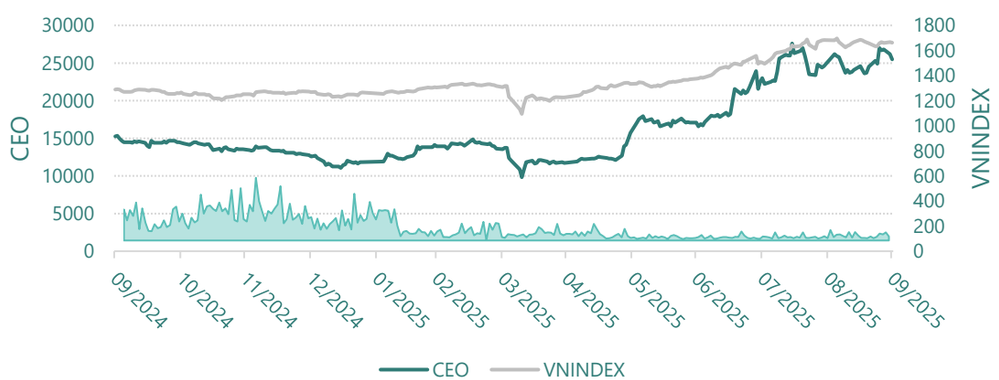

Cơ cấu cổ đông

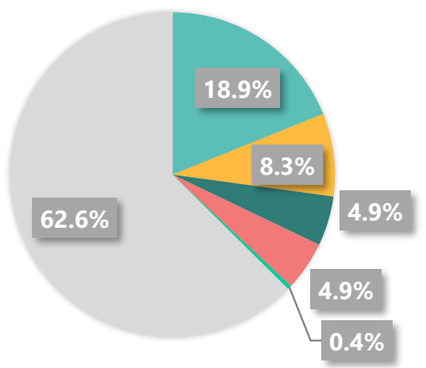

- Đoàn Văn Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Trường Thuận
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Phạm Trường Sơn
- Đỗ Phương Anh (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

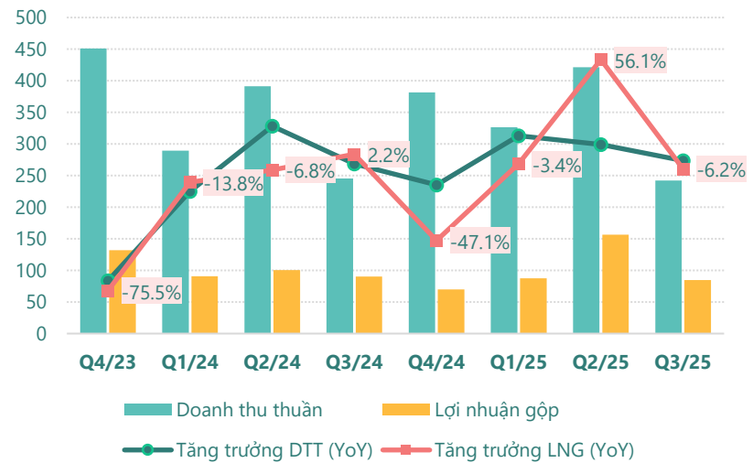

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

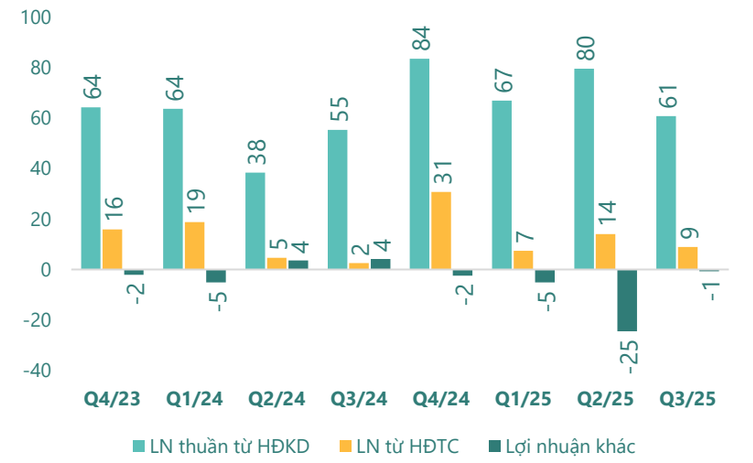

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

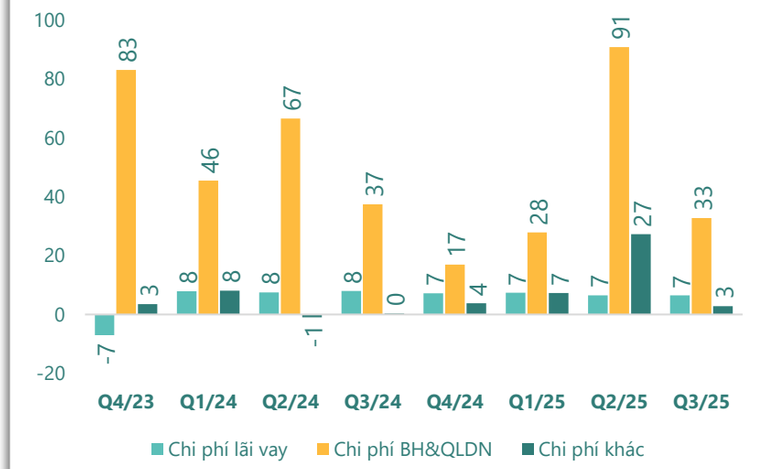

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

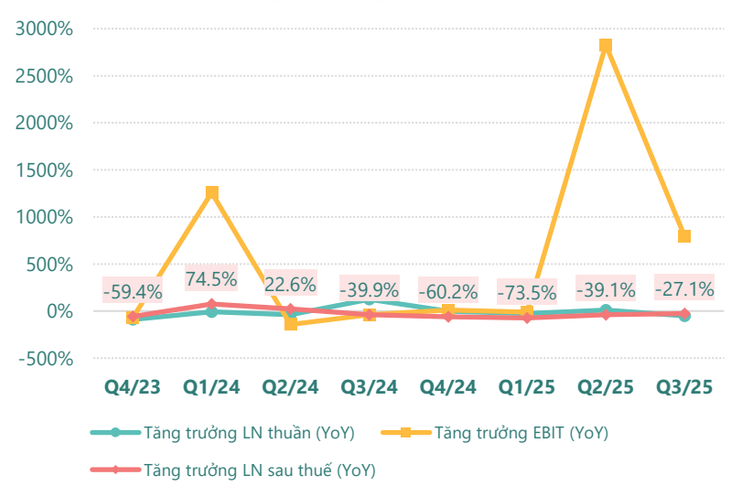

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

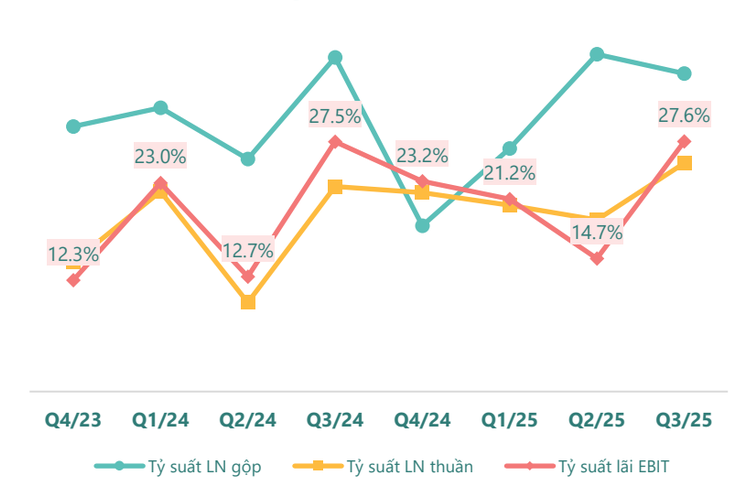

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

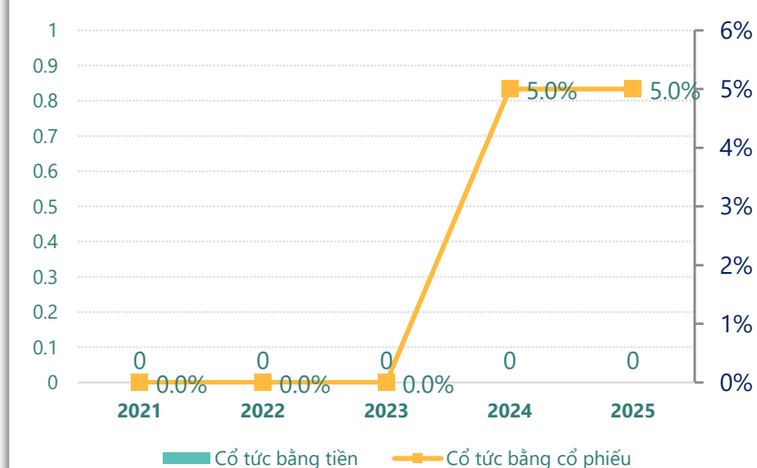

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

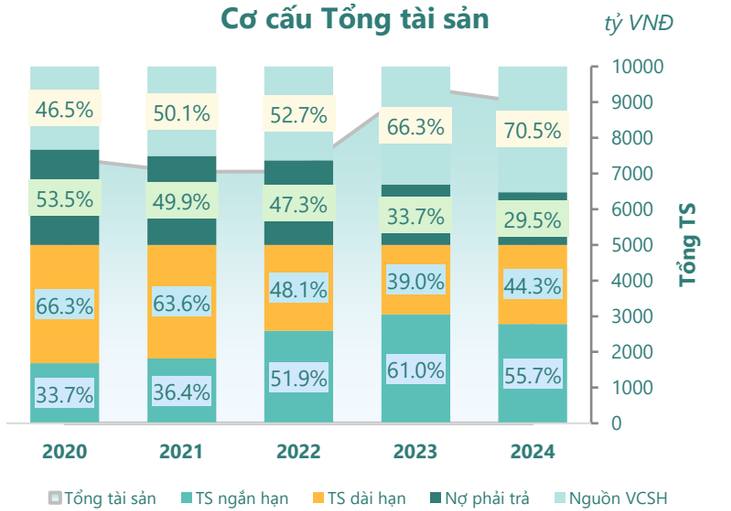

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

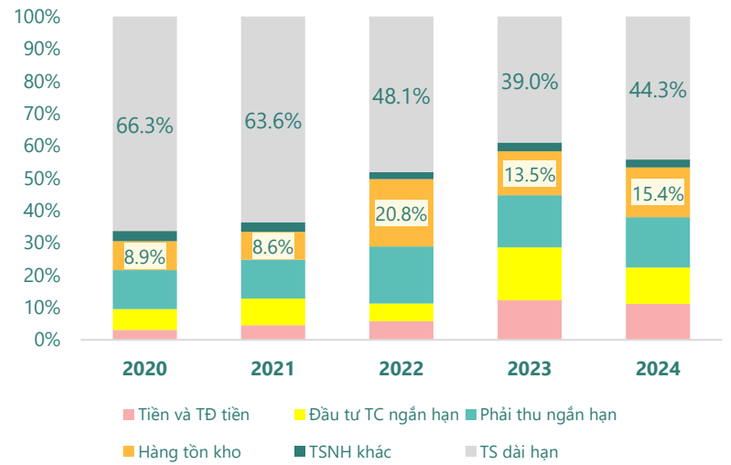

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

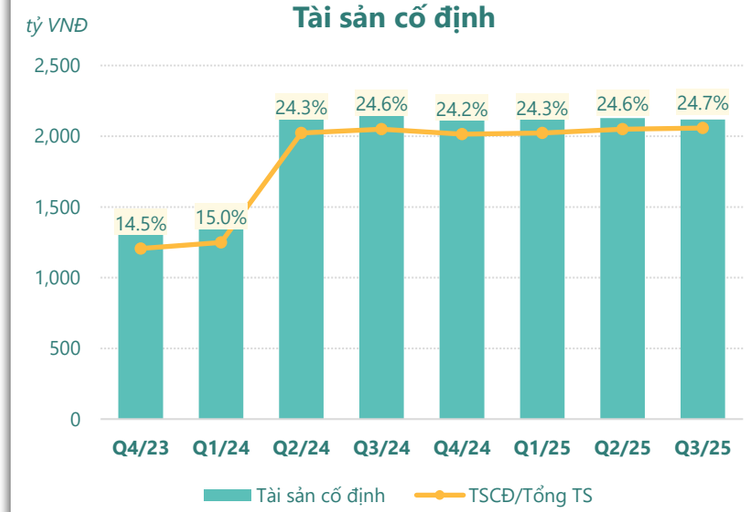

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

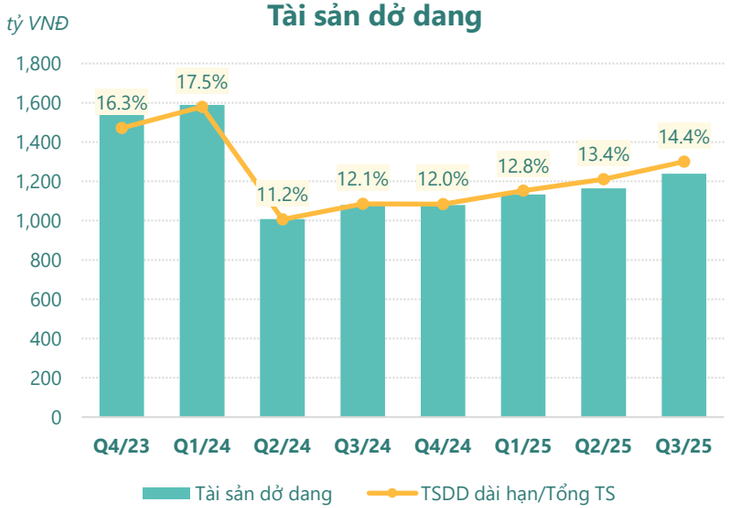

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

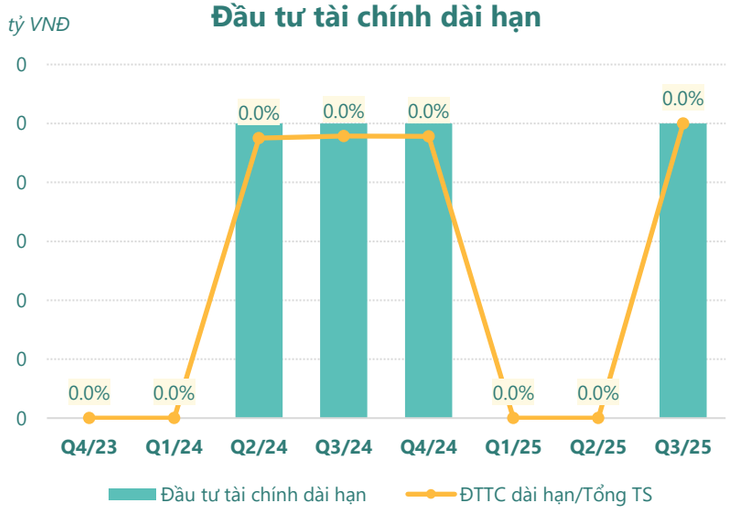

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

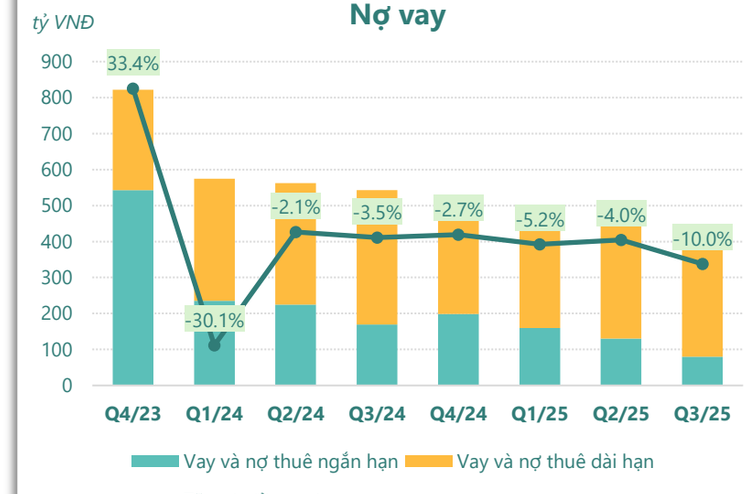

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

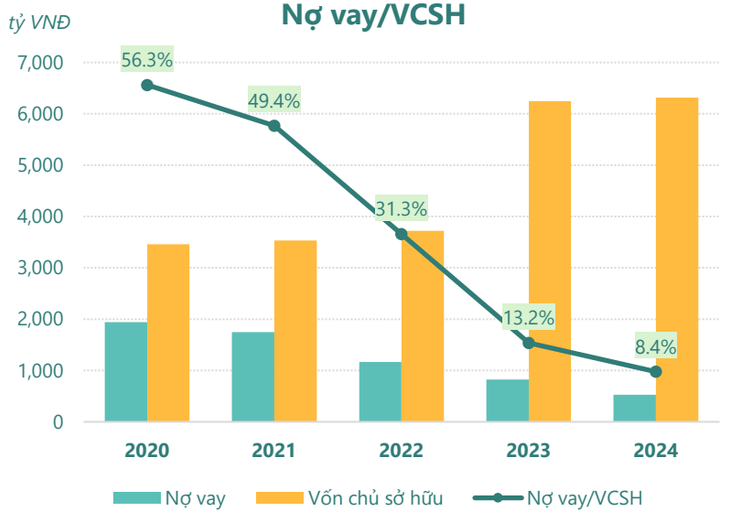

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

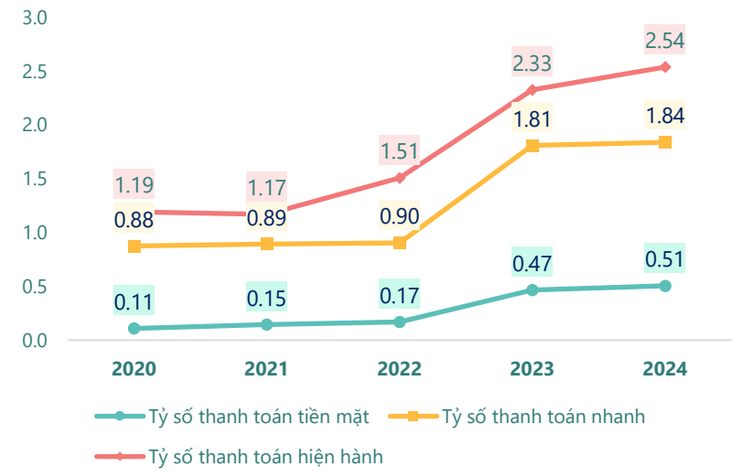

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

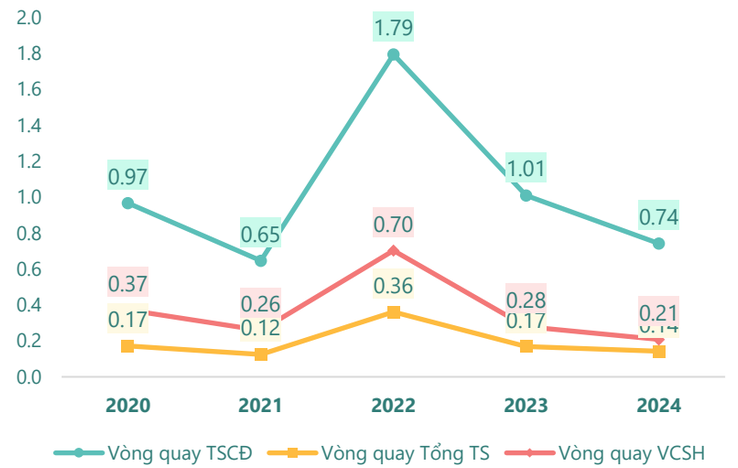

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

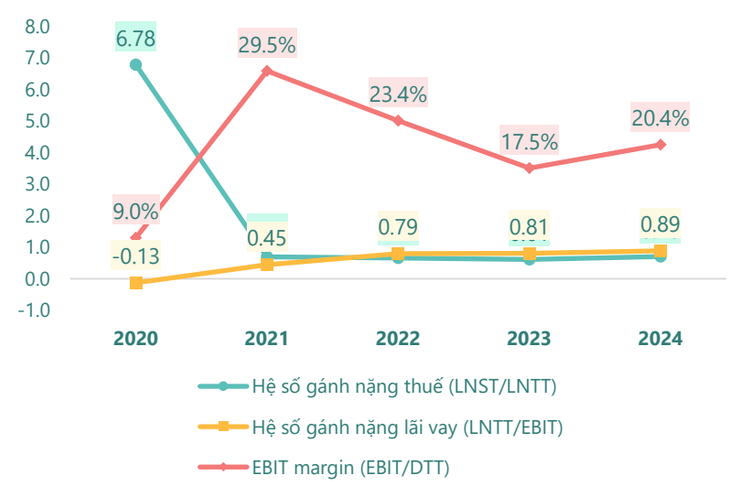

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

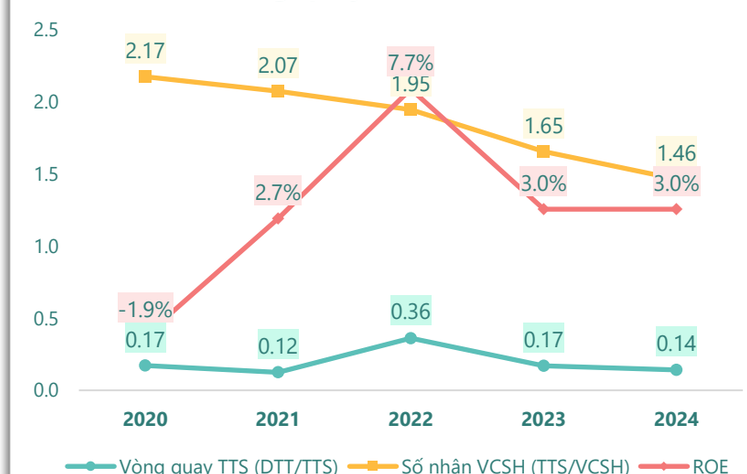

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

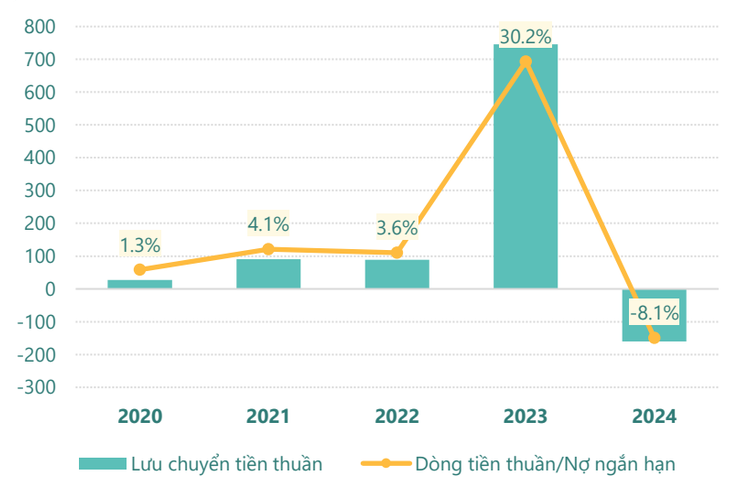

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**242**	**245**	**-1.2%**	**990**	**926**	**6.8%**
Giá vốn hàng bán	157	155	1.4%	661	645	2.4%
Lợi nhuận gộp	84.8	90.4	-6.2%	329	281	16.9%
Doanh thu HĐTC	15.5	10.5	48.0%	51.2	50.3	1.8%
Chi phí TC	6.61	8.01	-17.4%	20.8	24.4	-14.8%
Chi phí lãi vay	6.51	7.99	-18.5%	20.5	23.5	-12.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.03	12.9	-30.0%	35.7	63.6	-43.9%
Chi phí QLDN	**23.8**	**24.6**	**-3.3%**	**116**	**86.0**	**34.9%**
LN thuần từ HĐKD	60.9	55.4	9.9%	208	158	31.7%
Lợi nhuận khác	**-0.74**	**4.13**	**-118%**	**-30.4**	**2.57**	**-1282%**
LN trước thuế	60.2	59.6	1.0%	177	160	10.6%
Lợi nhuận sau thuế	**52.2**	**48.8**	**7.1%**	**148**	**102**	**44.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**47.2**	**44.2**	**6.9%**	**138**	**124**	**11.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	105	16.7	80.7	-75.7	-67.4	-114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-299	-0.20	-86.7	-42.6	219	-47.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.5	-21.9	-26.1	-27.2	-20.5	-55.6
Tiền đầu kỳ	1,243	1,031	1,025	993	848	979
Lưu chuyển tiền thuần	**-212**	**-5.39**	**-32.1**	**-146**	**131**	**-217**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.07	0.11	0.11	-0.04	-0.17
Tiền cuối kỳ	1,031	1,025	993	848	979	762

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,575**	**8,958**	**-4.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,509	4,991	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	762	993	-23.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	745	1,006	-25.9%
Phải thu ngắn hạn	1,409	1,402	0.5%
Hàng tồn kho	1,404	1,376	2.0%
Tài sản ngắn hạn khác	190	214	-11.5%
Tài sản dài hạn	**4,066**	**3,966**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	9.95	9.95	0.0%
Tài sản cố định	2,117	2,159	-1.9%
Bất động sản đầu tư	589	602	-2.1%
Tài sản dở dang	1,238	1,078	14.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.10	0	
Tài sản dài hạn khác	**86.7**	**80.7**	**7.4%**
Lợi thế thương mại	24.2	37.2	-35.0%
Nợ phải trả	2,190	2,645	-17.2%
Nợ ngắn hạn	**1,535**	**1,966**	**-21.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.0	193	-58.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	208	220	-5.3%
Nợ dài hạn	655	679	-3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	353	335	5.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,385**	**6,312**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**6,385**	**6,312**	**1.1%**
Vốn điều lệ	5,674	5,404	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)